

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH**  
**KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	14 - 46

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Vinaico tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103008626 ngày 06 tháng 4 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được 11 lần cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp về việc thay đổi tên, địa chỉ và vốn điều lệ.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04.37.573.879
- Fax : 04.37.573.880

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 11 ngày 24 tháng 9 năm 2013 là:

- Lập trình máy tính;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Phá dỡ;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc cho thuê;
- Đại lý;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Quảng cáo;
- Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm);
- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Tư vấn đầu tư không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cắt tạo đá và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu (chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: ủy thác xuất nhập khẩu; Dịch vụ đại lý tà biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Gửi hàng; Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; Giao nhận hàng hóa; Thu, phát các chứng từ vận tải và vận đơn; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển; Dịch vụ logistic).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Vận tải hàng hóa ven biển, viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Môi giới thương mại.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Chủ tịch	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Nguyễn Thanh Hoàn	Ủy viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Nguyễn Quang Hưng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 10 năm 2012
Ông Mai Văn Sơn	Ủy viên	Ngày 27 tháng 4 năm 2013
Ông Nguyễn Thạch Quý	Ủy viên	Ngày 18 tháng 4 năm 2014

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Anh Tuấn	Trưởng Ban	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Nguyễn Công Đường	Thành viên	Ngày 29 tháng 6 năm 2011
Ông Mai Xuân Hòa	Thành viên	Ngày 07 tháng 5 năm 2012

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Mai Hồng Bằng	Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2006
Ông Mai Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 12 năm 2013

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Mai Hồng Bằng (bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2006).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Mai Hồng Bằng**

Ngày 14 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Trần Ngọc Quê St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 362/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU  
CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015, từ trang 7 đến trang 46 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

**Trần Anh Tuấn - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1708-2013-008-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>47.036.002.572</b>	<b>41.699.373.561</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.485.438.850</b>	<b>993.486.335</b>
1. Tiền	111		1.485.438.850	993.486.335
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>241.231.525</b>	<b>241.231.525</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		302.325.055	302.325.055
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(61.093.530)	(61.093.530)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.075.218.424</b>	<b>21.688.355.139</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	21.627.833.239	16.486.027.157
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.114.526.469	4.669.092.521
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	2.595.424.616	2.117.424.616
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	8.122.653.243	8.801.029.988
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(10.385.219.143)	(10.385.219.143)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.439.953.151</b>	<b>16.554.236.898</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	17.439.953.151	16.554.236.898
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>794.160.622</b>	<b>2.222.063.664</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	81.258.453	209.852.760
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		712.902.169	2.012.210.904
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>72.175.914.939</b>	<b>73.995.072.252</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.995.115.080</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	2.995.115.080	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>25.201.839.875</b>	<b>30.897.612.714</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	25.195.843.224	30.886.476.061
<i>Nguyên giá</i>	222		34.111.413.026	40.626.505.743
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.915.569.802)	(9.740.029.682)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	5.996.651	11.136.653
<i>Nguyên giá</i>	228		51.400.000	51.400.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(45.403.349)	(40.263.347)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.639.592.150</b>	<b>1.603.655.715</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.639.592.150	1.603.655.715
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2b</b>	<b>28.822.915.026</b>	<b>28.822.915.026</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		22.035.397.909	22.035.397.909
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		9.421.709.085	9.421.709.085
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.634.191.968)	(2.634.191.968)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.516.452.808</b>	<b>12.670.888.797</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	12.516.452.808	12.670.888.797
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>119.211.917.511</b>	<b>115.694.445.813</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>43.666.916.058</b>	<b>41.025.597.784</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.582.416.058</b>	<b>40.941.097.784</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	33.195.304.774	30.608.725.201
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	2.854.618.482	5.059.989.233
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.657.767.295	1.931.695.690
4. Phải trả người lao động	314		515.536.498	596.032.845
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	362.122.331	330.348.324
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	87.300.000	85.520.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	805.332.144	593.229.506
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	4.079.155.534	1.710.277.985
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	25.279.000	25.279.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>84.500.000</b>	<b>84.500.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		84.500.000	84.500.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>75.545.001.453</b>	<b>74.668.848.029</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>75.545.001.453</b>	<b>74.668.848.029</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.543.810.000	96.543.810.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		96.543.810.000	96.543.810.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6.298.680.000	6.298.680.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.686.650.000)	(1.686.650.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.532.087.481	1.532.087.481
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(27.142.926.028)	(28.019.079.452)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(28.019.079.452)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(27.142.926.028)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>119.211.917.511</b>	<b>115.694.445.813</b>

Người lập biểu

Đồng Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	16.375.427.807	9.443.482.709
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	61.877.488
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.375.427.807	9.381.605.221
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.597.919.572	7.297.366.509
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.777.508.235	2.084.238.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	35.949.243	333.346.272
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	89.862.290	119.541.768
Trong đó: chi phí lãi vay	23		77.856.720	95.167.982
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	459.814.939	174.770.446
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.519.582.982	3.906.254.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		744.197.267	(1.782.981.833)
11. Thu nhập khác	31		247.933.885	33.600.155
12. Chi phí khác	32	VI.7	115.977.728	-
13. Lợi nhuận khác	40		131.956.157	33.600.155
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		876.153.424	(1.749.381.678)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		876.153.424	(1.749.381.678)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	92	(183)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đồng Thị Thắm

Nguyễn Thị Hoa Huế

Mai Hồng Bàng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ****(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp gián tiếp)**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		876.153.424	(1.749.381.678)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10, V11	1.615.728.231	1.525.642.359
- Các khoản dự phòng	03		-	2.070.834.385
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.221.695	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		23.777.728	(312.500.000)
- Chi phí lãi vay	06		77.856.720	95.167.982
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.596.737.798	1.350.421.703
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(7.068.435.331)	35.827.347
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(885.716.253)	(1.885.735.848)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		4.953.428.488	3.989.241.150
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		443.500.301	424.736.292
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.856.720)	(94.923.124)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(301.822.915)	(200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	169.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.500.000)	(131.300.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(356.664.632)</b>	<b>3.657.267.520</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V12	(1.520.184.168)	(1.631.727.362)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.520.184.168)</b>	<b>(4.631.727.362)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	4.079.155.534	3.204.812.974
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(1.710.277.985)	(3.497.094.008)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>2.368.877.549</i>	<i>(292.281.034)</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>492.028.749</b>	<b>(1.266.740.876)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>993.486.335</b>	<b>1.302.092.374</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(76.234)	131.869
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.485.438.850</b>	<b>35.483.367</b>

Người lập biểu

Đồng Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinavico (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là khai thác khoáng sản và xây lắp.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Casting và hoàn thiện đá;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

##### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### **5. Cấu trúc Công ty**

*Các Công ty liên doanh, liên kết*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone	Số 54, phố Khương Trung, phường Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét, bán buôn	48,9%	48,9%	48,9%
Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú	Thôn Khâu Ca, xã An Phú, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Khai thác và thu gom quặng sắt, đá	49%	49%	49%

##### **6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

##### **7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 42 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 31 nhân viên).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### ***Các khoản đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất dở dang của các công trình, là chi phí tương ứng với nguyên vật liệu và nhân công của hạng mục chưa được nghiệm thu.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### *Chi phí đầu tư mở*

Chi phí đầu tư mở được phân bổ vào theo thời gian thực hiện dự án.

### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Chi phí liên quan đến phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Tiền bản quyền***

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

#### **21. Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.624.329	122.088.319
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.483.814.521	871.398.016
<b>Cộng</b>	<b><u>1.485.438.850</u></b>	<b><u>993.486.335</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Cổ phiếu</b>						
Công ty Cổ phần Xi măng Xây dựng Quảng Ninh	665.055	170.400	(494.655)	665.055	170.400	(494.655)
Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Thương mại Việt nam	301.660.000	241.061.125	(60.598.875)	301.660.000	241.061.125	(60.598.875)
<b>Cộng</b>	<b><u>302.325.055</u></b>	<b><u>241.231.525</u></b>	<b><u>(61.093.530)</u></b>	<b><u>302.325.055</u></b>	<b><u>241.231.525</u></b>	<b><u>(61.093.530)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(61.093.530)	(61.093.530)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>(61.093.530)</u></b>	<b><u>(61.093.530)</u></b>

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>22.035.397.909</b>		<b>22.035.397.909</b>	<b>22.035.397.909</b>		<b>22.035.397.909</b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone (i)	7.335.397.909	-	7.335.397.909	7.335.397.909	-	7.335.397.909
Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú (ii)	14.700.000.000	-	14.700.000.000	14.700.000.000	-	14.700.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)</b>	<b>9.421.709.085</b>	<b>(2.634.191.968)</b>	<b>6.787.517.117</b>	<b>9.421.709.085</b>	<b>(2.634.191.968)</b>	<b>6.787.517.117</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng	1.209.085	(1.009.885)	199.200	1.209.085	(1.009.885)	199.200

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
lượng Việt Nam						
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Việt Nam (iii)	262.500.000	(111.224.483)	151.275.517	262.500.000	(111.224.483)	151.275.517
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II	2.096.000.000	(1.951.376.000)	144.624.000	2.096.000.000	(1.951.376.000)	144.624.000
Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc	1.000.000.000	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	732.000.000	(570.581.600)	161.418.400	732.000.000	(570.581.600)	161.418.400
Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt	250.000.000	-	250.000.000	250.000.000	-	250.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico	80.000.000	-	80.000.000	80.000.000	-	80.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.457.106.994</b>	<b>(2.634.191.968)</b>	<b>28.822.915.026</b>	<b>31.457.106.994</b>	<b>(2.634.191.968)</b>	<b>28.822.915.026</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105451585 thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đá tự nhiên VnStone 7.350.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 7.335.397.909 VND, tương đương 48,9% vốn điều lệ, số vốn còn phải góp là 14.602.091 VND.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200773856 thay đổi lần 1 ngày 16 tháng 4 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú 9.000.000.000 VND tương đương 30% vốn điều lệ, bà Phạm Thị Thúy Hằng (đại diện cho Công ty Cổ phần Vinavico đứng tên góp vốn) đầu tư vào Công ty TNHH Đá cẩm thạch An Phú 5.700.000.000 VND tương đương 19% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 14.700.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

(iii) Cổ phiếu này đã hủy niêm yết ngày 20 tháng 12 năm 2013

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, do Công ty không có giá giao dịch của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Năng lượng Việt Nam, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Quảng Nam, Công ty Cổ phần Cơ điện Nông nghiệp và Thủy lợi II, Công ty Cổ phần VRG Bảo Lộc, Ngân hàng TMCP An Bình, Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin và Truyền thông Nam Việt, Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Công nghệ thông tin Vinavico do 3 công ty chứng khoán công bố đồng thời cũng không thu thập được Báo cáo tài chính của các công ty này tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, do đó Công ty không có căn cứ trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư này

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)***Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.634.191.968	2.634.167.068
Trích lập dự phòng bổ sung		(8.300)
Hoàn nhập dự phòng		
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.634.191.968</u></b>	<b><u>2.634.158.768</u></b>

*Giao dịch với công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty liên kết như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone</b>		
Mua nguyên liệu, hàng hóa và thuê nhân công của VnStone	3.700.950.410	3.373.809.733
Bán hàng cho VnStone	-	1.113.569.500
<b>Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú</b>		
Góp vốn vào An Phú	-	3.000.000.000
An Phú chuyển tiền mua kết quả thăm dò mỏ đá	-	3.000.000.000
Cho An Phú vay tiền hỗ trợ tài chính	478.000.000	

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b><u>4.421.794.226</u></b>	<b><u>4.421.794.226</u></b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	4.391.775.942	4.391.775.942
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	30.018.284	30.018.284
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b><u>17.206.039.013</u></b>	<b><u>12.064.232.931</u></b>
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Tân Phong	4.258.576.039	4.258.576.039
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt	2.202.484.222	589.729.948
Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí Phương Nam	3.179.905.030	-
Các khách hàng khác	7.565.073.722	7.215.926.944
<b>Cộng</b>	<b><u>21.627.833.239</u></b>	<b><u>16.486.027.157</u></b>

**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

Là khoản phải thu của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt về việc thanh lý tài sản cố định của dự án Pha Xúm

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	<b><u>2.793.288.078</u></b>	<b><u>2.252.215.441</u></b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	2.793.288.078	2.252.215.441
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b><u>2.321.238.391</u></b>	<b><u>2.416.877.080</u></b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt	1.325.000.000	1.325.000.000
Các nhà cung cấp khác	996.238.391	1.091.877.080
<b>Cộng</b>	<b><u>5.114.526.469</u></b>	<b><u>4.669.092.521</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>478.000.000</b>	-
Cho Công ty TNHH đá Cẩm Thạch An Phú vay với lãi suất 0%/năm	478.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.117.424.616</b>	<b>2.117.424.616</b>
Cho Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong vay với lãi suất 0% /năm	1.314.424.616	1.314.424.616
Cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thi công Cơ giới Thái Bình với lãi suất 1,5%/tháng	503.000.000	503.000.000
Cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lâm nghiệp và Xây dựng Thành Đạt vay	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.595.424.616</b>	<b>2.117.424.616</b>

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>204.253.500</b>	<b>(4.253.500)</b>	<b>204.253.500</b>	<b>(4.253.500)</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và khai thác mỏ Vinavico	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone - Phải thu khác	4.253.500	(4.253.500)	4.253.500	(4.253.500)
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>7.918.399.743</b>	<b>(1.506.535.574)</b>	<b>8.596.776.488</b>	<b>(1.506.535.574)</b>
Phải thu về tiền ủy thác đầu tư Ông Nguyễn Văn Đông	1.501.070.774	(1.501.070.774)	1.501.070.774	(1.501.070.774)
1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)	
<b>Phải thu về hỗ trợ tài chính các đối tượng khác</b>	<b>301.070.774</b>	<b>(301.070.774)</b>	<b>301.070.774</b>	<b>(301.070.774)</b>
Tạm ứng	5.891.644.794	-	6.586.521.539	-
Ký cược, ký quỹ	50.000.000	-	50.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	475.684.175	(5.464.800)	459.184.175	(5.464.800)
<b>Cộng</b>	<b>8.122.653.243</b>	<b>(1.510.789.074)</b>	<b>8.801.029.988</b>	<b>(1.510.789.074)</b>

**7. Nợ xấu**

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
<b>Không có khả năng thu hồi</b>		<b>9.377.132.395</b>	-	-	<b>9.377.132.395</b>	-
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	-	<b>9.377.132.395</b>	-	-	<b>9.377.132.395</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong - Phải thu tiền bán hàng		4.258.576.039	-		4.258.576.039	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Tân Phong - Phải thu về tiền ủy thác đầu tư		1.314.424.616		1.314.424.616	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt - Phải thu tiền bán hàng		1.360.000.000		1.360.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt - Ứng trước tiền mua hàng		1.160.000.000		1.160.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Đông - Phải thu về tiền ủy thác đầu tư		1.200.000.000		1.200.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		84.131.740		84.131.740	-
<b>Quá hạn thanh toán</b>		<b>1.008.086.748</b>		<b>1.008.086.748</b>	
<i>Các bên liên quan</i>		<i>4.253.500</i>		<i>4.253.500</i>	
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	Quá hạn trên 3 năm	4.253.500	Quá hạn trên 3 năm	4.253.500	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	<i>1.003.833.248</i>	-	<i>1.003.833.248</i>	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Quá hạn trên 3 năm	1.003.833.248	Quá hạn trên 3 năm	1.003.833.248	-
<b>Cộng</b>		<b>10.385.219.143</b>		<b>10.385.219.143</b>	

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	10.385.219.143	-	10.385.219.143
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>10.385.219.143</b>	<b>-</b>	<b>10.385.219.143</b>

### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	309.121.214	-	296.688.184	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.703.020.671	-	1.573.105.402	-
Thành phẩm	13.039.588.873	-	12.344.364.338	-
Hàng hóa	2.342.450.686	-	2.294.307.267	-
Hàng gửi đi bán	45.771.707	-	45.771.707	-
<b>Cộng</b>	<b>17.439.953.151</b>	<b>-</b>	<b>16.554.236.898</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

##### 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	54.081.080	101.517.528
Chi phí Bảo hiểm	3.366.594	9.502.361
Chi phí thuê nhà	-	60.000.000
Chi phí sửa chữa	6.188.868	1.757.576
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.621.911	37.075.295
<b>Cộng</b>	<b><u>81.258.453</u></b>	<b><u>209.852.760</u></b>

##### 9b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	199.771.436	186.146.413
Chi phí đăng ký tên miền	706.542	1.057.683
Chi phí đầu tư mô	12.250.922.990	12.470.894.018
Chi phí sửa chữa	63.591.666	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.460.174	12.790.683
<b>Cộng</b>	<b><u>12.516.452.808</u></b>	<b><u>12.670.888.797</u></b>

#### 10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	21.623.724.825	15.008.368.558	3.933.466.906	60.945.454	40.626.505.743
Mua trong kỳ	-	300.000.000	-	-	300.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(3.074.001.170)	(3.227.329.642)	(513.761.905)	-	(6.815.092.717)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>18.549.723.655</u></b>	<b><u>12.081.038.916</u></b>	<b><u>3.419.705.001</u></b>	<b><u>60.945.454</u></b>	<b><u>34.111.413.026</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	87.500.000	-	60.945.454	148.445.454
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	2.127.380.482	5.580.834.430	1.972.835.301	58.979.469	9.740.029.682
Khấu hao trong kỳ	501.972.495	912.874.544	193.775.205	1.965.985	1.610.588.229
Thanh lý, nhượng bán	(456.071.013)	(1.605.577.770)	(373.399.326)	-	(2.435.048.109)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>2.173.281.964</u></b>	<b><u>4.888.131.203</u></b>	<b><u>1.793.211.180</u></b>	<b><u>60.945.454</u></b>	<b><u>8.915.569.802</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	19.496.344.343	9.427.534.128	1.960.631.605	1.965.985	30.886.476.061
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>16.376.441.691</u></b>	<b><u>7.192.907.713</u></b>	<b><u>1.626.493.821</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>25.195.843.224</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.811.113.455 VND và 905.556.733 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

### 11. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Nguyên giá	51.400.000	-	-	51.400.000
Giá trị hao mòn	40.263.347	5.140.002	-	45.403.349
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>11.136.653</b>	<b>5.140.002</b>	-	<b>5.996.651</b>

### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác (*)</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	23.138.805	137.771.200	-	(160.470.005)	-
<i>Xe nâng</i>	23.138.805	137.771.200	-	(160.470.005)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.580.516.910	1.059.075.240	-	-	2.639.592.150
<i>Dự án nhà máy Nghiền bột</i>	1.580.516.910	1.059.075.240	-	-	2.639.592.150
<b>Cộng</b>	<b>1.603.655.715</b>	<b>1.196.846.440</b>	-	<b>(160.470.005)</b>	<b>2.639.592.150</b>

(\*) Kết chuyển giảm khác là do chuyển mục đích sử dụng.

### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	33.195.304.774	30.608.725.201
V - Trac Holdings LTD (*)	29.578.607.200	29.578.607.200
Các nhà cung cấp khác	3.616.697.574	1.030.118.001
<b>Cộng</b>	<b>33.195.304.774</b>	<b>30.608.725.201</b>

(\*) Đây là khoản nợ phải trả cho những Hợp đồng mua máy móc thiết bị từ năm 2010 nhưng không liên lạc được với nhà cung cấp.

### 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	2.854.618.482	5.059.989.233
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh	1.149.024.250	1.149.024.250
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	853.368.095	853.368.095
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Anh Tuấn	518.746.412	518.746.412
Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí Phương Nam	-	1.100.000.000
Các khách hàng khác	333.479.725	1.438.850.476
<b>Cộng</b>	<b>2.854.618.482</b>	<b>5.059.989.233</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế xuất, nhập khẩu	-	219.650.146	(219.650.146)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.428.422.025	-	(301.822.915)	1.126.599.110
Thuế thu nhập cá nhân	498.672.755	13.493.370	-	512.166.125
Thuế tài nguyên	3.977.910	64.100.760	(51.791.190)	16.287.480
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	623.000	8.625.600	(6.534.020)	2.714.580
<b>Cộng</b>	<b>1.931.695.690</b>	<b>309.869.876</b>	<b>(583.798.271)</b>	<b>1.657.767.295</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	876.153.424	(1.749.381.678)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	126.322.713	(209.097.670)
- Các khoản điều chỉnh tăng	126.322.713	103.410.630
<i>Chi phí không đủ chứng từ, không hợp lệ</i>	26.700.000	6.129.849
<i>Khấu hao của nhà cửa chưa có quyền sở hữu</i>	59.725.104	59.725.104
<i>Thù lao HĐQT không điều hành</i>	27.000.000	27.000.000
<i>Khấu hao ô tô tương ứng nguyên giá vượt 1,6 tỷ</i>	10.555.674	10.555.677
<i>Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của Tiền và Phải thu</i>	2.341.935	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(312.508.300)
<i>Cổ tức được nhận</i>	-	(312.500.000)
<i>Hoàn nhập dự phòng giảm giá cổ phiếu OTC</i>	-	(8.300)
Thu nhập chịu thuế	1.002.476.137	(1.958.479.348)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.002.476.137)	-
Thu nhập tính thuế	-	(1.958.479.348)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>362.122.331</b>	<b>330.348.324</b>
Chi phí công trình	110.446.014	113.895.614
Chi phí vận chuyển bốc dỡ	102.395.743	103.125.543
Chi phí phải trả tiền điện	72.639.575	-
Chi phí lãi vay	12.450.880	12.118.224
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	64.190.119	101.208.943
<b>Cộng</b>	<b><u>362.122.331</u></b>	<b><u>330.348.324</u></b>

### 17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước hợp đồng tư vấn cho khách hàng Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê.

### 18. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>69.900.000</b>	<b>69.900.000</b>
Phải trả về tiền thù lao HĐQT	69.900.000	69.900.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<b>735.432.144</b>	<b>523.329.506</b>
Kinh phí công đoàn	60.413.096	54.011.333
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	53.795.981	11.055.019
Phải trả về tiền cổ tức	42.300.184	42.300.184
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	578.922.883	415.962.970
<b>Cộng</b>	<b><u>805.332.144</u></b>	<b><u>593.229.506</u></b>

### 19. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>4.079.155.534</b>	<b>4.079.155.534</b>	<b>1.710.277.985</b>	<b>1.710.277.985</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(i)</sup>	3.579.155.534	3.579.155.534	1.710.277.985	1.710.277.985
Vay ngắn hạn tổ chức khác				
Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt <sup>(ii)</sup>	500.000.000	500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.079.155.534</u></b>	<b><u>4.079.155.534</u></b>	<b><u>1.710.277.985</u></b>	<b><u>1.710.277.985</u></b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay tại Sở giao dịch III - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được thế chấp bằng Xe ô tô Toyota Land Cruise Prado TX - L 2.7 L, biển kiểm soát số 30Z-8451.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

- (ii) Vay Công ty Cổ phần Đầu tư Giải pháp Việt để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 0%, không có thời hạn vay. Khoản vay này được thanh toán hết vào ngày 1 tháng 7 năm 2015.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.710.277.985	3.579.155.534	(1.710.277.985)	3.579.155.534
Vay ngắn hạn tổ chức khác	-	500.000.000		500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.710.277.985</b>	<b>4.079.155.534</b>	<b>(1.710.277.985)</b>	<b>4.079.155.534</b>

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chỉ có quỹ Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	(178.753.828)	-	(16.500.000)	(195.253.828)
Quỹ phúc lợi	(118.494.174)	-	-	(118.494.174)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	25.279.000	-	-	25.279.000
<b>Cộng</b>	<b>(271.969.002)</b>	<b>-</b>	<b>(16.500.000)</b>	<b>(288.469.002)</b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt nguồn được trình bày ở khoản mục "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (xem thuyết minh số V.6).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 21. Vốn chủ sở hữu

#### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Vốn chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển		
Số đầu năm trước	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	1.532.087.481	(5.654.571.758)	97.033.355.723
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	(1.749.381.678)	(1.749.381.678)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>6.298.680.000</b>	<b>(1.686.650.000)</b>	<b>1.532.087.481</b>	<b>(7.403.953.436)</b>	<b>95.283.974.045</b>
Số dư đầu năm nay	96.543.810.000	6.298.680.000	(1.686.650.000)	1.532.087.481	(28.019.079.452)	74.668.848.029
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	876.153.424	876.153.424
<b>Số dư cuối năm kỳ</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>6.298.680.000</b>	<b>(1.686.650.000)</b>	<b>1.532.087.481</b>	<b>(27.142.926.028)</b>	<b>75.545.001.453</b>

### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ông Mai Hồng Bằng	19.355.220.000	20,05%	19.355.220.000	-
Các cổ đông khác	77.188.590.000	79,95%	77.188.590.000	-
<b>Cộng</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>96.543.810.000</b>	<b>-</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.654.381	9.654.381
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.654.381	9.654.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	112.000	112.000
- Cổ phiếu phổ thông	112.000	112.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu phổ thông	9.542.381	9.542.381
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	5.661,67	574,76

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	9.180.425.145	3.711.745.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ	261.934.545	169.240.000
Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.933.068.117	5.562.497.549
<b>Cộng</b>	<b><u>16.375.427.807</u></b>	<b><u>9.443.482.709</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

### 2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	8.839.921.521	2.775.178.206
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	4.757.998.051	4.522.188.303
<b>Cộng</b>	<b><u>13.597.919.572</u></b>	<b><u>7.297.366.509</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.834.841	3.038.623
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	312.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	34.114.402	16.467.445
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	1.340.204
<b>Cộng</b>	<b>35.949.243</b>	<b>333.346.272</b>

### 4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	77.856.720	95.167.982
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.898.709	6.560.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.221.675	17.821.405
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(8.300)
Chi phí tài chính khác	885.186	-
<b>Cộng</b>	<b>89.862.290</b>	<b>119.541.768</b>

### 5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	-	103.940.646
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.027.773	12.670.317
Chi phí dịch vụ mua ngoài	336.943.357	18.061.736
<i>Trong đó: Chi phí vận chuyển bột đá</i>	<i>134.413.636</i>	-
Các chi phí khác	111.843.809	40.097.747
<b>Cộng</b>	<b>459.814.939</b>	<b>174.770.446</b>

### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	577.378.224	893.721.753
Chi phí đồ dùng văn phòng	105.479.839	113.474.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	198.947.926	235.816.761
Thuế, phí và lệ phí	6.569.091	240.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	2.070.842.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	572.462.044	452.909.071
Các chi phí khác	58.745.858	139.249.541
<b>Cộng</b>	<b>1.519.582.982</b>	<b>3.906.254.603</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Các chi phí bán Tài sản cố định của dự án Pha Xúm	23.777.728	-
Trong đó		
<i>Thu nhập từ thanh lý Tài sản cố định</i>	<i>(4.555.062.276)</i>	-
<i>Chi phí khi thanh lý Tài sản cố định</i>	<i>4.578.840.004</i>	-
Sửa chữa máy	92.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>115.977.728</b>	-

### 8. Lãi trên cổ phiếu

#### 8a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	876.153.424	(1.749.381.678)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	876.153.424	(1.749.381.678)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	9.542.381	9.542.381
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>92</b>	<b>(183)</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.542.381	9.542.381
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>9.542.381</b>	<b>9.542.381</b>

#### 8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.900.022.194
Chi phí nhân công	1.108.501.443
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.327.486.847
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.062.375.780
Chi phí khác	623.438.422
<b>Cộng</b>	<b><u>16.021.824.687</u></b>

#### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau: Công ty chỉ phát sinh giao dịch với các thành viên Ban điều hành như sau:

**Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

Các thành viên Ban điều hành	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	1.081.626.650	148.021.610
Hoàn ứng	1.824.282.276	247.140.609

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

**Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	158.171.337	160.902.118
Thù lao	-	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>158.171.337</u></b>	<b><u>178.902.118</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đá tự nhiên Vnstone	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đá Cẩm thạch An Phú	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng và Khai thác mỏ Vinavico	Công ty trong cùng hệ thống

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: lắp đặt sản phẩm đá cho các dự án.
- Lĩnh vực kinh doanh thương mại: bán bột đá và đá.
- Lĩnh vực dịch vụ: tư vấn khai thác mỏ

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực xây lắp</b>	<b>Lĩnh vực thương mại</b>	<b>Lĩnh vực dịch vụ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	6.933.068.117	9.180.425.145	261.934.545	16.375.427.807
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>6.933.068.117</b>	<b>9.180.425.145</b>	<b>261.934.545</b>	<b>16.375.427.807</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.175.070.066	261.321.295	261.934.545	2.317.693.296
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(1.519.582.982)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				798.110.314
Doanh thu hoạt động tài chính				35.949.243
Chi phí tài chính				(89.862.290)
Thu nhập khác				247.933.885
Chi phí khác				(115.977.728)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>876.153.424</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>575.408.553</b>	<b>761.927.484</b>	<b>21.739.203</b>	<b>1.359.075.240</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>820.099.173</u>	<u>1.085.934.675</u>	<u>30.983.729</u>	<u>1.937.017.577</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-
<b>Kỳ trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	<u>5.562.497.549</u>	<u>3.649.867.672</u>	<u>169.240.000</u>	<u>9.381.605.221</u>
<i>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<u>5.562.497.549</u>	<u>3.649.867.672</u>	<u>169.240.000</u>	<u>9.381.605.221</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	<u>1.040.309.246</u>	<u>874.689.466</u>	<u>169.240.000</u>	<u>2.084.238.712</u>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				<u>(4.081.025.049)</u>
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				<u>(1.996.786.337)</u>
Doanh thu hoạt động tài chính				<u>333.346.272</u>
Chi phí tài chính				<u>(119.541.768)</u>
Thu nhập khác				<u>33.600.155</u>
Chi phí khác				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>(1.749.381.678)</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>1.004.513.215</u>	<u>659.117.650</u>	<u>30.562.497</u>	<u>1.694.193.362</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>1.172.602.472</u>	<u>769.410.470</u>	<u>35.676.644</u>	<u>1.977.689.585</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:				
	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>44.733.514.558</u>	<u>21.771.830.506</u>	-	<u>66.505.345.064</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	52.706.572.447
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	<b>119.211.917.511</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	4.729.959.560	31.319.963.696	171.800.000	36.221.723.256
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	7.445.192.802
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	<b>43.666.916.058</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.030.607.997	20.935.474.380	-	60.966.082.377
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	54.728.363.436
<b>Tổng tài sản</b>	-	-	-	<b>115.694.445.813</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.975.052.064	29.912.770.694	170.020.000	36.057.842.758
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	4.967.755.026
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	<b>41.025.597.784</b>

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

#### 3. Số liệu so sánh

##### 3a. Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ Kế toán doanh nghiệp mới này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINA VICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>
<b>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ</b>				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	2.117.424.616	2.117.424.616
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.781.911.661	4.019.118.327	8.801.029.988
Tài sản ngắn hạn khác	155	5.839.294.941	(5.839.294.941)	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(271.969.002)	297.248.002	25.279.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	807.672.120	724.415.361	1.532.087.481

#### 4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

##### 4a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là trung bình.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.8 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

VINA VICO  
15/12/2015

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.485.438.850	-	-	-	1.485.438.850
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	18.899.611.099	-	-	5.723.337.220	24.622.948.319
Các khoản cho vay	478.000.000	-	-	2.117.424.616	2.595.424.616
Các khoản phải thu khác	1.020.219.375	-	-	1.210.789.074	2.231.008.449
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	<u>6.330.000.000</u>	-	-	<u>3.091.709.085</u>	<u>9.421.709.085</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>28.213.269.324</b></u>	-	-	<u><b>12.445.585.050</b></u>	<u><b>40.658.854.374</b></u>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	993.486.335	-	-	-	993.486.335
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	-	-	-	302.325.055	302.325.055
Phải thu khách hàng	10.757.225.137	-	-	5.728.802.020	16.486.027.157
Các khoản cho vay	-	-	-	2.117.424.616	2.117.424.616
Các khoản phải thu khác	1.806.410.773	-	-	3.322.748.890	5.129.159.663
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	<u>6.330.000.000</u>	-	-	<u>3.091.709.085</u>	<u>9.421.709.085</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>19.887.122.245</b></u>	-	-	<u><b>14.563.009.666</b></u>	<u><b>34.450.131.911</b></u>

#### 4b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAICO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay và nợ	4.079.155.534	-	-	4.079.155.534
Phải trả người bán	33.195.304.774	-	-	33.195.304.774
Các khoản phải trả khác	1.053.245.398	84.500.000	-	1.137.745.398
<b>Cộng</b>	<b>38.327.705.706</b>	<b>84.500.000</b>	-	<b>38.412.205.706</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	1.710.277.985	-	-	1.710.277.985
Phải trả người bán	30.608.725.201	-	-	30.608.725.201
Các khoản phải trả khác	674.715.864	-	-	674.715.864
<b>Cộng</b>	<b>32.993.719.050</b>	-	-	<b>32.993.719.050</b>

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### 4c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá chứng khoán.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.661,67	574,76
Phải thu khách hàng	64.857,00	35.851,00
Phải trả người bán	-	(1.403.000,00)
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>70.518,67</b>	<b>(1.366.574,24)</b>

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVICO**

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 11.750.104 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 580.470.448 VND) do ảnh hưởng của lỗi/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty chỉ có các khoản vay với lãi suất thả nổi tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 3.579.155.534 VND (số đầu năm là 1.710.277.985 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 35.791.556 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 25.739.939 VND).

#### *Rủi ro về giá chứng khoán*

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 241.231.525 VND (số đầu năm là 241.231.525 VND).

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu giá các chứng khoán niêm yết Công ty đang đầu tư tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ tăng/giảm 26.503.663 VND (cùng kỳ năm trước tăng/giảm 59.270.927 VND) do giảm/tăng dự phòng.

#### **4d. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAVIDEO

Địa chỉ: Phòng số 2, tầng 8, tòa nhà 169 Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.485.438.850	993.486.335	1.485.438.850	993.486.335
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	302.325.055	302.325.055	241.231.525	241.231.525
Phải thu khách hàng	24.622.948.319	16.486.027.157	18.894.146.299	10.757.225.137
Các khoản cho vay	2.595.424.616	2.117.424.616	2.595.424.616	2.117.424.616
Các khoản phải thu khác	2.231.008.449	5.129.159.663	(1.091.740.441)	1.806.410.773
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	9.421.709.085	9.421.709.085	6.787.517.117	6.787.517.117
<b>Cộng</b>	<b>40.658.854.374</b>	<b>34.450.131.911</b>	<b>28.912.017.966</b>	<b>22.703.295.503</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	4.079.155.534	1.710.277.985	4.079.155.534	1.710.277.985
Phải trả người bán	33.195.304.774	30.608.725.201	33.195.304.774	30.608.725.201
Các khoản phải trả khác	1.137.745.398	858.511.478	1.053.245.398	858.511.478
<b>Cộng</b>	<b>38.412.205.706</b>	<b>33.177.514.664</b>	<b>38.327.705.706</b>	<b>33.177.514.664</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Đối với các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng không có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được ước tính theo xét đoán của Ban Tổng Giám đốc và các thông tin về giá giao dịch của các cổ phiếu từ các nguồn khác.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Đổng Thị Thắm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hoa Huệ

Tổng Giám đốc



Mai Hồng Bằng

